

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2265/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Cục Hàng không Việt Nam tại Tờ trình số 787/TTr-CHK ngày 09/4/2025 về việc trình phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; văn bản số 893/CHK-QLC ngày 14/4/2025 về việc hoàn thiện phương án quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 532/KHTC ngày 14/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Địa điểm: thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

3. Thời kỳ quy hoạch: thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Vị trí, chức năng trong mạng cảng hàng không dân dụng toàn quốc: là cảng hàng không quốc tế.

4.2. Tính chất sử dụng: sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

4.3. Mục tiêu quy hoạch:

a) Thời kỳ 2021-2030

- Cấp sân bay: 4E (theo mã tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế - ICAO).

- Công suất: khoảng 10,0 triệu hành khách/năm và 25.000 tấn hàng hóa/năm.

- Loại tàu bay khai thác: tàu bay B747, B787, A350 và tương đương.

- Phương thức tiếp cận hạ cánh: thiết bị hạ cánh chính xác theo tiêu chuẩn CAT I đối với đầu 10 của đường cất hạ cánh; tiêu chuẩn CAT II đối với đầu 28 của đường cất hạ cánh.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

- Cấp sân bay 4E (theo mã tiêu chuẩn của ICAO).

- Công suất: khoảng 18,0 triệu hành khách/năm và 50.000 tấn hàng hóa/năm.

- Loại tàu bay khai thác: tàu bay B747, B787, A350 và tương đương.

- Phương thức tiếp cận hạ cánh: thiết bị hạ cánh chính xác theo tiêu chuẩn CAT I đối với đầu 10 của đường cất hạ cánh; tiêu chuẩn CAT II đối với đầu 28 của đường cất hạ cánh.

4.4. Quy hoạch các công trình khu bay

a) Hệ thống đường cất hạ cánh

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch kéo dài đường cất hạ cánh hiện hữu về hai phía đạt kích thước 3.500 m x 45 m; quy hoạch đường cất hạ cánh số 2 có kích thước 3.300 m x 45 m, cách tim đường cất hạ cánh hiện hữu về phía Bắc khoảng 360 m, kích thước lề vật liệu theo quy định.

- Tầm nhìn đến năm 2050: giữ nguyên cấu hình đường cất hạ cánh đã được quy hoạch trong giai đoạn trước.

b) Hệ thống đường lăn

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch kéo dài đường lăn song song hiện hữu về hai phía để đồng bộ với đường cất hạ cánh; quy hoạch đường lăn song song nằm giữa 02 đường cất hạ cánh, cách tim đường cất hạ cánh hiện hữu về phía Bắc khoảng 180 m; quy hoạch hệ thống đường lăn nối, đường lăn thoát nhanh đồng bộ để kết nối giữa đường lăn song song với đường cất hạ cánh, sân đỗ; kích thước lề vật liệu theo quy định.

- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch đường lăn song song cách tim đường cất hạ cánh số 2 về phía Bắc khoảng 180 m; quy hoạch hệ thống đường lăn nối, đường lăn thoát nhanh đồng bộ để kết nối giữa đường lăn song song với đường cất hạ cánh, sân đỗ; kích thước lề vật liệu theo quy định.

c) Sân đỗ máy bay

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch sân đỗ trước nhà ga hành khách T2 và mở rộng sân đỗ hiện hữu đáp ứng khoảng 30 vị trí đỗ máy bay, có khả năng mở rộng tại khu đất dự trữ phát triển sân đỗ; quy hoạch sân đỗ tàu bay khu vực nhà khách VIP/hàng không chung để bảo đảm khai thác đồng bộ.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng sân đỗ đáp ứng khoảng 45 vị trí đỗ máy bay; dự trữ để mở rộng khi có nhu cầu.

4.5. Quy hoạch các công trình bảo đảm hoạt động bay

a) *Đài Kiểm soát không lưu*: tiếp tục duy trì vị trí Đài kiểm soát không lưu hiện hữu, diện tích khoảng 2,0 ha để bảo đảm khả năng mở rộng theo nhu cầu.

b) *Hệ thống đài dẫn đường*: tiếp tục duy trì vị trí đài VOR/DME hiện hữu.

c) *Hệ thống đèn hiệu sân bay, thiết bị dẫn đường*: quy hoạch hệ thống đèn tiếp cận chính xác theo tiêu chuẩn CAT I đối với đầu 10 của đường cất hạ cánh, tiêu chuẩn CAT II đối với đầu 28 của đường cất hạ cánh; quy hoạch hệ thống thiết bị hạ cánh (ILS) đồng bộ với hệ thống đèn tiếp cận.

d) *Hệ thống quan trắc khí tượng tự động (AWOS)*: quy hoạch hệ thống AWOS đồng bộ với 02 đường cất hạ cánh.

đ) *Trạm radar giám sát mặt sân (SMR)*: quy hoạch tại khu vực phía Bắc của Cảng.

e) *Các công trình bảo đảm hoạt động bay khác*: tiếp tục sử dụng hệ thống giám sát đa điểm (MLAT) hiện hữu, bổ sung hệ thống MLAT cho đường cất hạ cánh số 2. Nghiên cứu quy hoạch hệ thống tự động cảnh báo xâm nhập đường cất hạ cánh (ARIWS), hệ thống giám sát bề mặt đường cất hạ cánh, hệ thống thiết bị phát hiện và xua đuổi chim, hệ thống cảnh báo gió đứt; vị trí cụ thể sẽ được xác định trong bước triển khai dự án.

4.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung

a) *Đường giao thông nội cảng*

- Đường trục vào cảng hàng không: điều chỉnh hướng của tuyến đường trục hiện hữu; dự trữ quỹ đất để bảo đảm khả năng mở rộng khi có nhu cầu.

- Đường giao thông nội cảng ngoài sân bay: các tuyến đường kết nối từ đường trục chính tới các khu chức năng của cảng hàng không; mặt cắt ngang các tuyến đáp ứng quy mô khoảng 02 - 04 làn xe.

- Đường công vụ: quy hoạch đường giao thông chạy sát phía trong tường rào cảng hàng không theo quy định, phục vụ tuần tra, bảo đảm an ninh, an toàn.

b) *Hệ thống sân đỗ ô tô*

- Thời kỳ 2021-2030: tiếp tục duy trì và mở rộng sân đỗ ô tô trước nhà ga hành khách T1 hiện hữu; quy hoạch sân đỗ ô tô đồng bộ phía trước nhà ga hành khách T2; quy hoạch sân đỗ ô tô phía trước nhà khách VIP/hàng không chung để bảo đảm khai thác đồng bộ.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng sân đỗ ô tô đồng bộ cùng nhà ga hành khách T2, có thể kết hợp sân đỗ ô tô và nhà để xe theo nhu cầu.

c) *Hệ thống cấp điện, chiếu sáng*: tiếp tục sử dụng hệ thống cấp điện hiện có của thành phố Phú Quốc; quy hoạch bổ sung các trạm biến áp theo nhu cầu sử dụng.

d) *Hệ thống cấp nước*: sử dụng hệ thống cấp nước sạch của thành phố Phú Quốc; quy hoạch bể trữ nước, bơm cấp nước, mạng lưới phân phối nước theo nhu cầu sử dụng.

đ) *Hệ thống thoát nước*

- Hệ thống thoát nước khu bay: thông qua hệ thống thoát nước về hồ điều hòa phía Tây của Cảng để thoát ra sông Cửa Lấp.

- Hệ thống thoát nước khu hàng không dân dụng: thông qua hệ thống thoát nước tới các hồ điều hòa và hệ thống thoát nước khu bay.

e) *Hệ thống xử lý nước thải*: quy hoạch tại khu vực phía Tây Nam của Cảng, diện tích khoảng 2,5 ha.

g) *Khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại*: quy hoạch tại khu vực phía Tây Nam của Cảng, diện tích khoảng 1,0 ha.

4.7. Quy hoạch các công trình dịch vụ hàng không

a) *Nhà ga hành khách*

- Thời kỳ 2021-2030: tiếp tục duy trì nhà ga hành khách T1 hiện hữu công suất khoảng 4,0 triệu hành khách/năm; quy hoạch nhà ga hành khách T2 về phía Đông nhà ga hành khách T1 hiện hữu, công suất đạt khoảng 6,0 triệu hành khách/năm. Quy hoạch nhà khách VIP kết hợp với khai thác hàng không chung tại khu vực phía Tây Nam của Cảng.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng nhà ga hành khách T2 đạt công suất khoảng 14,0 triệu hành khách/năm.

b) *Nhà ga hàng hóa*: thời kỳ 2021-2030 mở rộng nhà ga hàng hóa hiện hữu đạt công suất khoảng 25.000 tấn/năm; tầm nhìn đến năm 2050 mở rộng nhà ga hàng hóa đạt công suất khoảng 50.000 tấn/năm.

c) *Cơ sở tập kết, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không*

- Bãi tập kết phương tiện, trang thiết bị phục vụ mặt đất: thời kỳ 2021-2030 quy hoạch tại khu vực phía Tây nhà ga hành khách T1, phía Đông nhà ga hành khách T2 và phía Tây nhà khách VIP/hàng không chung với diện tích khoảng 1,35 ha; tầm nhìn đến năm 2050 mở rộng bãi tập kết phương tiện, trang thiết bị phục vụ mặt đất tại khu vực phía Đông nhà ga hành khách T2 với diện tích bổ sung khoảng 7.000 m². Trường hợp nhu cầu tăng cao có thể sử dụng một phần khu đất dự trữ phát triển sân đỗ để bố trí.

- Cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không: quy hoạch tại khu vực phía Tây Nam của Cảng, diện tích khoảng 1,0 ha.

d) *Cơ sở cung cấp xăng dầu hàng không; trạm cấp nhiên liệu cho phương tiện, thiết bị hàng không*

- Cơ sở cung cấp xăng dầu hàng không: quy hoạch khu vực phía Đông Nam của Cảng, giai đoạn đến năm 2030 dung tích khoảng 12.000 m³, tầm nhìn đến năm 2050 có thể mở rộng đạt dung tích khoảng 21.000 m³, diện tích khoảng 6,3 ha.

- Khu vực tra nạp nhiên liệu cho phương tiện, trang thiết bị phục vụ mặt đất: bố trí cạnh bãi tập kết phương tiện, trang thiết bị phục vụ mặt đất phía Đông nhà ga hành khách T2.

đ) Trạm kiểm định phương tiện, thiết bị hàng không: quy hoạch cùng vị trí với cơ sở tập kết, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không.

e) Cơ sở cung cấp suất ăn hàng không: quy hoạch khu vực phía Nam của Cảng, diện tích khoảng 2,0 ha.

g) Công trình dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay (hangar): quy hoạch khu vực phía Bắc của Cảng, diện tích khoảng 24,7 ha.

4.8. Quy hoạch các công trình dịch vụ phi hàng không, các công trình khác

a) Nhà điều hành cảng hàng không: quy hoạch tại khu vực phía Nam của Cảng, diện tích khoảng 1,0 ha.

b) Trụ sở cơ quan quản lý nhà nước

- Cảng vụ hàng không: tiếp tục duy trì vị trí hiện hữu, mở rộng khi có nhu cầu với diện tích khoảng 1,0 ha.

- Quy hoạch các công trình trụ sở cơ quan quản lý nhà nước khác tại khu vực phía Nam của Cảng, tiếp giáp với đường trục, trong đó:

+ Hải quan: quy hoạch trên khu đất rộng khoảng 1,0 ha.

+ Công an xuất nhập cảnh: quy hoạch trên khu đất rộng khoảng 1,0 ha.

+ Công an địa phương: quy hoạch trên khu đất rộng khoảng 5.000 m²; dự trữ khu đất diện tích khoảng 1,0 ha cho lực lượng công an thực hiện nhiệm vụ.

+ Trung tâm y tế, khu cách ly y tế: quy hoạch trên khu đất rộng khoảng 5.000 m².

+ Trung tâm kiểm dịch động/thực vật: quy hoạch trên khu đất rộng khoảng 5.000 m².

+ Trung tâm an ninh hàng không: quy hoạch trên khu đất rộng khoảng 5.000 m².

c) Văn phòng cho thuê, trung tâm điều hành các hãng hàng không: quy hoạch tại khu vực phía Nam của Cảng, diện tích khoảng 8.000 m².

d) Khu bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không: quy hoạch tại khu vực phía Nam của Cảng, diện tích khoảng 5.000 m².

4.9. Quy hoạch các công trình bảo đảm an ninh sân bay, khẩn nguy cứu nạn

- Quy hoạch hệ thống hàng rào bao quanh ranh giới đất của cảng hàng không, hàng rào bảo vệ khu bay.

- Công trình khẩn nguy sân bay đạt cấp 9 theo phân cấp của ICAO. Thời kỳ 2021-2030 tiếp tục duy trì trạm khẩn nguy cứu nạn phía Tây sân đỗ tàu bay hiện hữu, quy hoạch bổ sung 02 trạm khẩn nguy cứu nạn phía Tây Bắc và phía Đông của Cảng, mỗi trạm diện tích khoảng 3.000 m²; tầm nhìn đến năm 2050 di dời trạm khẩn nguy cứu nạn số 1 về phía Tây của Cảng, diện tích khoảng 3.000 m².

- Khu huấn luyện, đào tạo khẩn nguy cứu hỏa, chữa cháy: quy hoạch khu vực phía Bắc của Cảng, diện tích khoảng 1,5 ha.

- Khu xử lý bom mìn: quy hoạch cách đầu 10 của đường cất hạ cánh hiện hữu khoảng 400 m về phía Tây, cách đầu 28 đường cất hạ cánh hiện hữu khoảng 500 m về phía Đông.

4.10. Quy hoạch sử dụng đất

Nhu cầu sử dụng đất cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc khoảng 1.050,1 ha, trong đó bao gồm:

- Diện tích đất do hàng không dân dụng quản lý: 561,1 ha.
- Diện tích đất do quân sự quản lý: 70,2 ha.
- Diện tích đất dùng chung: 418,8 ha.

Trong đó diện tích đất đề nghị địa phương bổ sung thêm khoảng 198,4 ha.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

- Nghiên cứu, tiếp thu Báo cáo thẩm định của Vụ Kế hoạch - Tài chính để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và các cơ quan liên quan tổ chức công bố, quản lý và thực hiện quy hoạch theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang có trách nhiệm:

- Rà soát, cập nhật các nội dung quy hoạch nêu trên vào quy hoạch của địa phương và các quy hoạch có liên quan; tổ chức quản lý tỉnh không, cao độ xây dựng theo quy định;

- Bố trí và bảo vệ quỹ đất phù hợp theo Quy hoạch được duyệt, có phương án về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo quỹ đất sẵn sàng đáp ứng khi có nhu cầu phát triển mở rộng theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Quy hoạch - Kiến trúc; Cục trưởng các Cục: Hàng không Việt Nam, Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Kết cấu hạ tầng xây dựng và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Cảng vụ hàng không miền Nam;
- Các TCT: Quản lý bay VN; Cảng HKVN;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC. VULH

